TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2020/DS-ST
Ngày: 30 - 12 - 2020
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Trần Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 462/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 535/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thu L, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp NC, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt);

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Văn M; cư trú tại: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

2. Chị Trần Thị V (C), sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp TTh, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lê Thu L trình bày*:

Anh M và chị V có tham gia hụi do chị làm chủ cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Mở ngày 15/3/2018 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, có 42 phần, anh Mến tham gia một phần. Đến kỳ khui thứ 8 thì anh M bỏ hụi hốt được số tiền 24.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, anh M có đóng lại hụi chết đến kỳ khui thứ 16 thì ngưng, còn nợ lại chị 26 phần chưa đóng tính đến mãn hụi với số tiền 26.000.000 đồng. Dây hụi này chưa mãn và tính đến

thời điểm xét xử chị góp hụi thay cho anh M được 18 phần với số tiền 18.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Mở ngày 30/6/2018 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, có 40 phần, anh Mến tham gia một phần. Đến kỳ thứ 7 thì anh M bỏ hụi hốt được số tiền 23.600.000 đồng. Sau khi hốt hụi anh M có đóng lại hụi chết đến kỳ khui thứ 13 thì ngưng, còn nợ lại chị 27 phần chưa đóng tính đến mãn hụi với số tiền 27.000.000 đồng. Dây hụi này hiện tại chưa mãn và tính đến thời điểm xét xử chị góp hụi thay cho anh M được 18 phần với số tiền 18.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh M, chị V (C) trả số tiền nợ hụi tính đến ngày xét xử chị đã lấp hụi cho anh M là 18 lần x 02 chưng = 36.000.000 đồng. Các phần hụi từ ngày xét xử đến mãn chị không yêu cầu giải quyết, trường hợp anh M vi phạm nghĩa vụ trả nợ chị sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác

** Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị V trình bày:* Đối với các phần hụi anh M tham gia hụi, lĩnh hụi, góp hụi như thế nào chị cũng không biết, anh M hốt hụi cũng không phụ giúp gì kinh tế gia đình. Chị chưa gặp đóng hụi cho chị L lần nào và cũng chưa từng gặp chị L qua gom hụi. Sau khi anh M bỏ đi làm thì chị L có qua và gặp chị yêu cầu góp hụi anh M đã lĩnh, chị V có nói với chị L thống nhất có trách nhiệm trả nợ dù nợ này của anh M. Tuy nhiên do hiện tại anh M bỏ đi không liên lạc được, chị L kiện hụi thì chị đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ với anh M. Do khả năng kinh tế nên chị chỉ đồng ý trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

** Đối với anh Nguyễn Văn M:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh M biết về yêu cầu khởi kiện chị L nhưng anh không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn M đã được triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị L, thấy rằng: Tại chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị V xác định các phần hụi đều do anh M tham gia và chi xài riêng nhưng do chị và anh M còn chung sống nên chị tự nguyện đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ hụi cho chị L. Anh M không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị L nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ đó khẳng định việc anh M có tham gia chơi hụi do chị L làm chủ hụi, sau khi lĩnh hụi thì không góp hụi cho các hụi viên, chị L phải góp thay, tính đến ngày xét xử tổng số tiền là 36.000.000 đồng.

Xét về trách nhiệm trả nợ: Chị V mặc dù không biết các phần hụi do anh M tham gia nhưng đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ với anh M, đây là sự tự nguyện của chị V. Do đó, buộc anh M và chị V có nghĩa vụ trả lại số tiền hụi 36.000.000 đồng cho chị L là phù hợp với Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[3] Đối với các vấn đề khác: Chị L không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp anh M vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với các phần hụi từ ngày xét xử đến mãn hụi, chị Liễu được quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị L được chấp nhận nên anh M, chị V phải chịu 5% trên tổng số tiền phải trả cho chị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 92; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thu L. Buộc anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thu L số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị L cho đến khi thi hành xong số tiền nêu trên, hàng tháng anh M và chị V phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị V phải chịu là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng);

2.2. Chị Lê Thu L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị Lê Thu L 662.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lại số 0011504 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M, chị V có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Trúc